TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13-4-2021
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao

2. Ông Vũ Hồng Điều

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/11/2020 về việc "Tranh chấp về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 7, xã Tân B, huyện Bến L, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 7, xã Tân B, huyện Bến L, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/9/2020, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 15/4/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc D trình bày như sau:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu nên giữa bà Lê Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn T tiến đến hôn nhân, ông bà xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1990 nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/01/2010. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 02 con chung; thời gian sau đó, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không

cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình. Ông bà đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay nhưng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà D và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Nhung, sinh ngày 30/8/1992 và Nguyễn Lê Tuấn, sinh ngày 06/3/1994. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà D không yêu cầu gì về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà D xác định, bà D và ông T không có tài sản chung, nợ chung nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức căn cứ quy định tại các Điều 196, Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ghi ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn T đối với yêu cầu khởi kiện của bà D. Tuy nhiên, bị đơn ông T

cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Bà D và ông T xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1990 nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/01/2010 nên hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay nhưng cũng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông T; ông T được Tòa án triệu tập nhiều lần để ghi nhận ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà D, để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T cố tình vắng mặt, phần nào thể hiện ông T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà D và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Nhung, sinh ngày 30/8/1992 và Nguyễn Lê Tuấn, sinh ngày 06/3/1994. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, bà D không yêu cầu gì về con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn với ông T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp về ly hôn".

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc D, trong quá trình giải quyết vụ án có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà D.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà D thấy rằng:

[4.1] Bà D và ông T xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1990 nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/01/2010 nên hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp.

[4.2] Xét nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay nhưng cũng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông T; ông T được Tòa án triệu tập nhiều lần để ghi nhận ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà D, để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T cố tình vắng mặt, phần nào thể hiện ông T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà D và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Nhung, sinh ngày 30/8/1992 và Nguyễn Lê Tuấn, sinh ngày 06/3/1994. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, bà D không yêu cầu gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc D về việc "Tranh chấp về ly hôn" với ông Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc D được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 000.2482 ngày 05/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, bà D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Bến Lức;
-CCTHADS huyện Bến Lức;
- UBND xã An Thạnh, huyện Bến Lức
-Các đương sự;
-Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Đình Đông